



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

8. AKUSALACCHEDANAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena, tathāgato sabbam akusalam jhāpetvā sabbaññutam patto, udāhu sāvasese akusale sabbaññutam patto**”ti?

“Sabbam mahārāja akusalam jhāpetvā bhagavā sabbaññutam patto. natthi bhagavato sesakam akusalan”ti.

“Kimpana bhante dukkhā vedanā tathāgatassa kāye uppannapubbā”ti?

“Āma mahārāja, rājagahe bhagavato pādo sakalikāya¹ khato, lohita-pakkhandikābādho uppanno, kāye abhissanne jīvakena vireko kārito, vātābādhe uppanne upaṭṭhākena therena uṇhodakam pariyaṭṭhan”ti.

2. “Yadi bhante nāgasena, tathāgato sabbam akusalam jhāpetvā sabbaññutam patto, tena hi ‘bhagavato pādo sakalikāya khato, lohita-pakkhandikābādho² uppanno ‘ti yaṃ vacanam, taṃ micchā. Yadi tathāgatassa pādo sakalikāya khato lohita-pakkhandikābādho¹ uppanno, tena hi ‘tathāgato sabbam akusalam jhāpetvā sabbaññutam patto ‘ti tampi vacanam micchā. Natthi bhante vinā kamma vedayitam sabbantam vedayitam kammamūlakam kammeneva³ vediyati. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo”ti.

3. “Na hi mahārāja sabbantam vedayitam kammamūlakam. Aṭṭhahi kho mahārāja kāraṇehi vedayitāni uppajjanti yehi kāraṇehi puthū sattā vedanā vediyanti. Katamehi aṭṭhahi? Vātasamuṭṭhānāni ‘pi kho mahārāja idhekaccāni vedayitāni uppajjanti, pittasamuṭṭhānāni ‘pi kho mahārāja —pe— semhasamuṭṭhānāni ‘pi kho mahārāja —pe— sannipātikāni ‘pi kho mahārāja —pe— utupariṇāmajāni ‘pi kho mahārāja —pe— visamaparihārajāni ‘pi kho mahārāja —pe— opakamkāni ‘pi kho mahārāja —pe— kammavipākajāni ‘pi kho mahārāja idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Imehi kho mahārāja aṭṭhahi kāraṇehi puthū sattā vedanā vediyanti. Tattha ye te puggalā ‘satte kamma vibādhatī ‘ti vadeyyum te ime bhontā kāraṇam⁴ paṭibāhanti. Tesam taṃ vacanam micchā”ti.

¹ sakhalikāya - Syā.

² lohita-pakkhandikā ca ābādho - Ma, PTS.

³ taṃ kammeneva - Ma.

⁴ te ime puggalā sattakāraṇam - Ma; te ime sattā kāraṇam - PTS.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨT PHÁP BẤT THIỆN:

1. **“Thưa ngài Nāgasena, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể Toàn Tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, hay là đã đạt đến bản thể Toàn Tri khi pháp bất thiện còn dư sót.”**

“Tâu đại vương, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể Toàn Tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện. Không có pháp bất thiện còn dư sót ở đức Thế Tôn.”

“Thưa ngài, phải chăng các thọ khổ trước đây đã khởi lên ở cơ thể của đức Như Lai?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Ở Rājagaha, bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, khi cơ thể bị tiết ra chất dơ Jīvaka đã cho sử dụng liều thuốc xổ, khi cơn bệnh gió phát khởi vị trưởng lão thị giả đã tìm kiếm nước nóng.”

2. “Thưa ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã đạt đến bản thể Toàn Tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, như thế thì lời nói rằng: ‘Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi’ là sai trái. Nếu bàn chân của đức Như Lai đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, như thế thì lời nói: ‘Đức Như Lai đã đạt đến bản thể Toàn Tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện’ cũng là sai trái. Thưa ngài, không có cảm thọ tách rời khỏi nghiệp, tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp, được cảm nhận chỉ do nghiệp. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

3. “Tâu đại vương, không hẳn tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp. Tâu đại vương, các cảm thọ sanh lên do tám nguyên nhân, do các nguyên nhân ấy chúng sanh phạm phu cảm nhận các thọ. Do tám nguyên nhân nào? Tâu đại vương, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là gió; tâu đại vương — (như trên)— có nguồn sanh khởi là mật; tâu đại vương —(như trên)— có nguồn sanh khởi là đằm; tâu đại vương —(như trên)— có liên quan đến sự tụ hội (của gió, mật, đằm); tâu đại vương —(như trên)— do sự thay đổi của mùa tiết; tâu đại vương —(như trên)— do sự sinh hoạt không đều đặn; tâu đại vương —(như trên)— có liên quan đến việc ra sức; tâu đại vương một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Tâu đại vương, do tám nguyên nhân này chúng sanh phạm phu cảm nhận các thọ. Ở đây, những chúng sanh nào nói rằng: ‘Nghiệp đầy đọa các chúng sanh,’ những người ấy loại bỏ tám nguyên nhân. Lời nói ấy của những người ấy là sai trái.

4. “Bhante nāgasena, yañca vāṭikaṃ yañca pittaṃ yañca semhikaṃ yañca sannipātikaṃ yañca utupariṇāmaṃ yañca visamaparihāraṃ yañca opakamikaṃ, sabbe te kammamuṭṭhānā yeva. Kammena te sabbe sambhavanti”ti.

“Yadi mahārāja te sabbe ’pi¹ kammamuṭṭhānā vā² ābādhā bhaveyyuṃ, na tesam koṭṭhāsato lakkhaṇāni bhaveyyuṃ. Vāto kho mahārāja kuppamāno dasavidhena kuppatti: sītena uṇhena jighacchāya pipāsāya atibhuttana ṭhānena padhānena ādhāvanena upakkamena kammavipākena. Tatra ye te navavidhā, na te atīte, na anāgate, vattamānake bhava uppajjanti. Tasmā na vattabbā: ‘Kammambhavā sabbā vedanā ’ti. Pittaṃ mahārāja kuppamānaṃ tividhena kuppatti: sītena uṇhena visamabhojanena. Semhaṃ mahārāja kuppamānaṃ tividhena kuppatti sītena uṇhena annapānena. Yo ca mahārāja vāto yañca pittaṃ yañca semhaṃ, tehi tehi kopehi kuppitvā missī hutvā sakaṃ sakaṃ vedanaṃ ākaḍḍhati. Utupariṇāmajā mahārāja vedanā utupariṇāmena uppajjati, visamaparihārajā vedanā visamaparihārena uppajjati. Opakkamikā mahārāja vedanā atthi kiriyā, atthi kammavipākā. Kammavipākajā vedanā pubbe katena kammena uppajjati. Iti kho mahārāja appaṃ kammavipākajaṃ, bahutaraṃ avasesaṃ. Tattha bālā: ‘sabbam kammavipākajaṃ yevā ’ti atidhāvanti, tassa kamma³ na sakkā vinā buddhaññāna vavattānaṃ kātuṃ.

Yaṃ pana mahārāja bhagavato pādo sakalikāya khato, taṃ vedayitaṃ neva vātasamuṭṭhānaṃ, na pittasamuṭṭhānaṃ, na semhasamuṭṭhānaṃ, na sannipātikaṃ, na utupariṇāmaṃ, na visamaparihāraṃ, na kammavipākajaṃ, opakamikaṃ yeva. Devadatto hi mahārāja bahūni jātisatasahassāni tathāgate āghātaṃ bandhi. So tena āghātena mahatiṃ garuṃ silaṃ gahetvā ‘matthake pātesāmi ’ti muñci. Athaññe dve selā āgantvā taṃ silaṃ tathāgataṃ asampattaṃ yeva sampaṭicchimsu. Tāsaṃ pahārena papaṭikā bhijjivā bhagavato pāde patitvā ruhiraṃ uppādesi. Kammavipākato vā mahārāja bhagavato esā vedanā nibbattā kiriyato vā, tatuddhaṃ natthaññā vedanā.

Yathā mahārāja khettaduṭṭhatāya vā bijaṃ na sambhavati bijaduṭṭhatāya vā, evameva kho mahārāja kammavipākato vā bhagavato esā vedanā nibbattā kiriyato vā, tatuddhaṃ natthaññā vedanā.

¹ tepi sabbe - Ma, PTS.

² va - Ma, PTS.

³ taṃ kammaṃ - Ma, PTS.

4. “Thưa ngài Nāgasena, việc có liên quan đến gió, việc có liên quan đến mật, việc có liên quan đến đàm, việc có liên quan đến sự tụ hội (của gió, mật, đàm), việc do sự thay đổi của mùa tiết, việc do sự sinh hoạt không đều đặn, việc có liên quan đến việc ra sức, tất cả các việc ấy có nguồn sanh khởi cũng ở nghiệp, tất cả các việc ấy tạo thành cũng do nghiệp.”

“Tâu đại vương, nếu tất cả các bệnh tật ấy có nguồn sanh khởi chỉ là nghiệp, thì chúng không có các đặc điểm để phân loại. Tâu đại vương, gió trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo mười cách: do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do ăn quá độ, do đứng, do tinh tấn, do chạy, do việc ra sức, do quả thành tựu của nghiệp. Trong số đó, có chín cách sanh lên không ở quá khứ, không ở vị lai, mà ở bản thể hiện tại. Vì thế, không nên nói rằng: ‘Tất cả các thọ có sự tạo thành do nghiệp.’ Tâu đại vương, mật trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: do lạnh, do nóng, do vật thực không đều. Tâu đại vương, đàm trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: do lạnh, do nóng, do thức ăn thức uống. Tâu đại vương, cái nào là gió, cái nào là mật, cái nào là đàm, sau khi bị rối loạn do các sự rối loạn bởi chúng, sau khi có sự trộn lẫn thì kéo theo thọ của từng cái một. Tâu đại vương, thọ do sự thay đổi của mùa tiết sanh lên do sự thay đổi của mùa tiết, thọ do sự sinh hoạt không đều đặn sanh lên do sự sinh hoạt không đều đặn. Tâu đại vương, thọ có liên quan đến việc ra sức thì có cái do hành động, có cái do quả thành tựu của nghiệp. Thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp sanh lên do nghiệp đã làm trước đây. Tâu đại vương, như thế do quả thành tựu của nghiệp thì ít, phần còn lại thì nhiều hơn. Ở đây, những kẻ ngu vượt quá (khi cho rằng): ‘Tất cả đều do quả thành tựu của nghiệp;’ thiếu đi trí tuệ của đức Phật không thể thực hiện việc xác định đối với nghiệp ấy.

Tâu đại vương, việc bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cảm thọ ấy không có nguồn sanh khởi là gió, không có nguồn sanh khởi là mật, không có nguồn sanh khởi là đàm, không có liên quan đến sự tụ hội (của gió, mật, đàm), không do sự thay đổi của mùa tiết, không do sự sinh hoạt không đều đặn, không do quả thành tựu của nghiệp, chỉ có liên quan đến việc ra sức. Tâu đại vương, bởi vì Devadatta đã buộc oan trái với đức Như Lai nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã cầm lấy hòn đá to nặng rồi buông ra (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ làm cho rơi ở đỉnh đầu.’ Khi ấy, có hai tảng đá khác đã tiến đến hứng chịu hòn đá ấy khi còn chưa chạm vào đức Như Lai. Do sự va chạm của chúng, có miếng đá bị bể đã rơi vào bàn chân của đức Thế Tôn và làm chảy máu. Tâu đại vương, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu đại vương, giống như hạt giống không nảy mầm hoặc là do tính chất tồi tệ của thửa ruộng, hoặc là do tính chất tồi tệ của hạt giống. Tâu đại vương, tương tự như thế ấy thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Yathā vā pana mahārāja koṭṭhaduṭṭhatāya vā bhojanam visamaṃ pariṇamati āhāraduṭṭhatāya vā, evameva kho mahārāja kammavipākato vā bhagavato esā vedanā nibbattā kiriyato vā, tatuddham natthaññā vedanā.

Api ca mahārāja natthi bhagavato kammavipākajā vedanā, natthi visama-parihārajā vedanā. Avasesehi samuṭṭhānehi bhagavato vedanā uppajjati. Tāya ca pana vedanāya na sakkā bhagavantam jīvitā voropetuṃ. Nīpatanti mahārāja imasmiṃ catummahābhūṭike¹ kāye itṭhāniṭṭhasubhāsuhavedanā. Idha mahārāja ākāse khitto leḍḍu mahāpaṭhaviyā nipatati. Api nu kho so mahārāja leḍḍu pubbe katena mahāpaṭhaviyā nipatati ”ti?

5. “Na hi bhante. Natthi so bhante hetu mahāpaṭhaviyā, yena hetunā mahāpaṭhavi kusalākusalavipākam paṭisaṃvedeyya, paccuppanna bhante akammakena hetunā so leḍḍu mahāpaṭhaviyā nipatati ”ti.

“Yathā mahārāja mahāpaṭhavi, evaṃ tathāgato daṭṭhabbo. Yathā leḍḍu pubbe akatena mahāpaṭhaviyam nipatati, evameva kho mahārāja tathāgatassa pubbe akatena sā sakalikā pāde nipatitā. Idha pana mahārāja manussā mahāpaṭhaviyam bhindanti ca khaṇanti ca, api nu kho te mahārāja manussā pubbe katena mahāpaṭhaviyam bhindanti ca khaṇanti cā ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Evameva kho mahārāja yā sā sakalikā bhagavato pāde nipatitā, na sā sakalikā pubbe katena bhagavato pāde nipatitā. Yo ’pi mahārāja bhagavato lohitaṃ khandikābādho uppanno, so ’pi ābādho na pubbe katena uppanno, sannipāṭikeneva uppanno. Ye keci mahārāja bhagavato kāyikā ābādhā uppannā, na te kammābhiniṃbattā, channaṃ etesaṃ samuṭṭhānānaṃ aññatarato nibbattā. Bhāsitaṃ petam mahārāja bhagavatā devātidevena saṃyuttanikāyavaralañchake moliyasīvake veyyākaraṇe:

¹ cātumahābhūṭike - Ma; catumahābhūṭike - PTS.

Tâu đại vương, hoặc giống như vật thực trở nên lớn cỡn hoặc là do tính chất tồi tệ của bao tử, hoặc là do tính chất tồi tệ của thức ăn. Tâu đại vương, tương tự như thế ấy thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu đại vương, hơn nữa đối với đức Thế Tôn không có thọ do quả thành tựu của nghiệp, không có thọ do sự sinh hoạt không đều đặn. Đối với đức Thế Tôn, thọ sanh lên do các nguồn sanh khởi còn lại. Hơn nữa, không thể đoạt lấy mạng sống đức Thế Tôn bởi thọ ấy. Tâu đại vương, các thọ được ưa thích hay không được ưa thích, tốt hay xấu, rơi xuống ở thân tứ đại này. Tâu đại vương, ở đây cục đá được ném lên không trung thì rơi xuống đại địa cầu. Tâu đại vương, phải chăng cục đá ấy rơi xuống đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?”

5. “Thưa ngài, không đúng. Thưa ngài, không có nhân ấy ở đại địa cầu, mà do nhân ấy đại địa cầu nhận chịu quả thành tựu thiện hay bất thiện. Thưa ngài, cục đá ấy rơi xuống đại địa cầu do nhân hiện tại không có liên quan đến nghiệp.”

“Tâu đại vương, đại địa cầu như thế nào thì đức Như Lai nên được xem xét như vậy. Giống như cục đá rơi xuống đại địa cầu không do nghiệp đã làm trước đây, tâu đại vương, tương tự y như thế đối với đức Như Lai miếng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu đại vương, và lại ở đây con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu, tâu đại vương, phải chăng con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, tương tự như thế ấy miếng đá nào đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn, miếng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu đại vương, còn cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi đến đức Thế Tôn, cơn bệnh ấy đã phát khởi không do nghiệp đã làm trước đây, nó đã phát khởi có liên quan đến chính sự tụ hội (của gió, mật, đàm). Tâu đại vương, mọi cơn bệnh thuộc về thân đã phát khởi ở đức Thế Tôn, chúng đã không sanh ra do nghiệp, mà đã được sanh ra từ nguồn sanh khởi nào đó trong số sáu nguồn sanh khởi. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến ở lời giải thích cho Moliyasīvaka ở đoạn *Varalañchaka* (Dấu Ấn Cao Quý) thuộc *Saṃyuttanikāya* (Bộ Tương Ứng) rằng:

‘Pittasamuṭṭhānāni ’pi kho sīvaka idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Sāmampi kho etaṃ sīvaka veditabbaṃ yathā pitta-samuṭṭhānāni ’pi idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Lokassapi kho etaṃ sīvaka saccasammataṃ yathā pittasamuṭṭhānāni ’pi idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Tatra sīvaka ye te samaṇa-brāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino: ‘Yaṃ kiñcāyaṃ purisapuggalo paṭisaṃvedeti sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā sabbantaṃ pubbekatahetū ’ti, yañca sāmaṃ ñātaṃ tañca atidhāvanti, yañca loke saccasammataṃ, tañca atidhāvanti. Tasmā tesam samaṇabrāhmaṇānaṃ micchā ’ti vadāmi. ‘Semhasamuṭṭhānāni ’pi kho sīvaka —pe— ‘Vātasamuṭṭhānāni ’pi kho sīvaka —pe— ‘Sannipātasamuṭṭhānāni¹ ’pi kho sīvaka —pe— ‘Utupariṇāmajāni ’pi kho sīvaka —pe— ‘Visamaparihārajāni ’pi kho sīvaka —pe— ‘Opakkamikāni ’pi kho sīvaka —pe— ‘Kammavipākajāni ’pi kho sīvaka idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Sāmampi kho etaṃ sīvaka veditabbaṃ yathā kammavipākajāni ’pi idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Lokassa ’pi kho etaṃ sīvaka saccasammataṃ yathā kammavipākajāni ’pi idhekaccāni vedayitāni uppajjanti. Tatra sīvaka ye te samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino: ‘Yaṃ kiñcāyaṃ purisapuggalo paṭisaṃvedeti sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā sabbantaṃ pubbekatahetū ’ti, yañca sāmaṃ ñātaṃ tañca atidhāvanti, yañca loke saccasammataṃ, tañca atidhāvanti. Tasmā tesam samaṇabrāhmaṇānaṃ micchā ’ti vadāmi ’ti.

Iti ’pi mahārāja na sabbā vedanā kammavipākajā. Sabbaṃ mahārāja akusalaṃ jhāpetvā bhagavā sabbaññutaṃ patto ’ti, evametaṃ dhārehī ”ti.

“Sādhu bhante nāgasena, evametaṃ tathā sampaṭicchāmī ”ti.

Akusalacchedanapañho aṭṭhamo.

¹ sannipātikāni - Ma, PTS.

‘Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ,’ họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian.[?] Vì thế, Ta nói rằng: ‘Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.’ Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là đàm. Này Sīvaka –(như trên)— có nguồn sanh khởi là gió. Này Sīvaka –(như trên)— có nguồn sanh khởi là sự tụ hội (của gió, mật, đàm). Này Sīvaka –(như trên)— do sự thay đổi của mùa tiết. Này Sīvaka –(như trên)— do sự sinh hoạt không đều đặn. Này Sīvaka –(như trên)— có liên quan đến việc ra sức. Này Sīvaka một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ,’ họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian.[?] Vì thế, Ta nói rằng: ‘Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.’

Tâu đại vương, như thế không hẳn tất cả các thọ sanh ra do quả thành tựu của nghiệp. Tâu đại vương, sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể Toàn Tri, xin ngài hãy ghi nhớ điều này như thế.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

Câu hỏi về sự cắt đứt pháp bất thiện là thứ tám.
